Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 0308.30.40

Mã HS	0308.30.40
Mô tả hàng hóa	Động vật thủy sinh không xương sống trừ động vật giáp xác và động vật thân mềm, sống, tươi, ướp lạnh, đông lạnh, khô, muối hoặc ngâm nước muối; động vật thủy sinh không xương sống hun khói trừ động vật giáp xác và động vật thân mềm, đã hoặc chưa làm chín trước hoặc trong quá trình hun khói / - Sứa (Rhopilema spp.): / - - Khô, muối hoặc ngâm nước muối
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	02/11/2026 16:46:05
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/03083040/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K772
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N772
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q772
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ772
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MY)	0% (trừ MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	2	2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	2	2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	5.7	5,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E771
ATIGA	2022	2022	0	AT!E772
ATIGA	2023	2023	0	AT!F772
ATIGA	2024	2024	0	AT!G772
ATIGA	2025	2025	0	AT!H772
ATIGA	2026	2026	0	AT!I772
ATIGA	2027	2027	0	AT!J772
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E774
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F774
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G774
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H774

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I774
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J774
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E776
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F776
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G776
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H776
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I776
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J776
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F778
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H773
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F774
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G774
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H774
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I774
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J774
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K774
VKFTA	2022	2022	0	VK!E772
VKFTA	2023	2023	0	VK!F772
VKFTA	2024	2024	0	VK!G772
VKFTA	2025	2025	0	VK!H772
VKFTA	2026	2026	0	VK!I772
VKFTA	2027	2027	0	VK!J772
VCFTA	2022	2022	8	VC!D783
VCFTA	2023	2023	6	VC!E783
VCFTA	2024	2024	5	VC!F783
VCFTA	2025	2025	3	VC!G783

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	2	VC!H783
VCFTA	2027	2027	0	VC!I783
VN-EAEU	2022	2022	2,7	EAV!D780
VN-EAEU	2023	2023	1,8	EAV!E780
VN-EAEU	2024	2024	0,9	EAV!F780
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G780
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H780
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I780
AHKFTA	2022	2022	6	AKH!D789
AHKFTA	2023	2023	4	AKH!E789
AHKFTA	2024	2024	4	AKH!F789
AHKFTA	2025	2025	2	AKH!G789
AHKFTA	2026	2026	2	AKH!H789
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I789
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D773
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E773
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F773
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G773
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H773
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I773
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D775
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E775
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F775
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G775
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H775
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I775

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D773
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E773
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F773
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G773
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H773
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I773
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J773
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D776
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E776
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F776
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G776
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H776
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I776
RCEP B	2022	2022	0	B!D776
RCEP B	2023	2023	0	B!E776
RCEP B	2024	2024	0	B!F776
RCEP B	2025	2025	0	B!G776
RCEP B	2026	2026	0	B!H776
RCEP B	2027	2027	0	B!I776
RCEP C	2022	2022	0	C!D776
RCEP C	2023	2023	0	C!E776
RCEP C	2024	2024	0	C!F776
RCEP C	2025	2025	0	C!G776
RCEP C	2026	2026	0	C!H776
RCEP C	2027	2027	0	C!I776
RCEP D	2022	2022	0	D!D776

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E776
RCEP D	2024	2024	0	D!F776
RCEP D	2025	2025	0	D!G776
RCEP D	2026	2026	0	D!H776
RCEP D	2027	2027	0	D!I776
RCEP E	2022	2022	0	E!D776
RCEP E	2023	2023	0	E!E776
RCEP E	2024	2024	0	E!F776
RCEP E	2025	2025	0	E!G776
RCEP E	2026	2026	0	E!H776
RCEP E	2027	2027	0	E!I776
RCEP F	2022	2022	0	F!D776
RCEP F	2023	2023	0	F!E776
RCEP F	2024	2024	0	F!F776
RCEP F	2025	2025	0	F!G776
RCEP F	2026	2026	0	F!H776
RCEP F	2027	2027	0	F!I776
VIFTA	2024	2024	8,6	VI!F761
VIFTA	2025	2025	7.1	VI!G761
VIFTA	2026	2026	5.7	VI!H761
VIFTA	2027	2027	4.3	VI!I761

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 0308.30 có 5 dòng thuế; dòng 0308.30.40 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Khô, muối hoặc ngâm nước muối.	0308.30.10 Sống; 0308.30.20 Tươi hoặc ướp lạnh; 0308.30.30 Đông lạnh; 0308.30.50 Hun khói	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0308.30.40. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 0308.30.40 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N772), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.